

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	427	BK9+BK14+RP3	7:25	8+6+0	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
2	410	TD3	7:25	13	0		22	0	
3	420	TD5	7:25	14	0		22	0	
4	424	PVD2+TD5	7:25	1+9	0+0		0+22	0+0	
5	427	CTK3+P5	9:25	14+0	0+0		11+11	0+0	
6	410	BK5+PPD	9:25	0+10	0+0		10+12	0+0	CHUYEN 1 PAX TU BK5-PPD
7	424	RP2+CTK3	9:25	1+10	0+0		5+17	0+0	
8	420	VSP02+HST	9:25	20+2	0+0		18+4	0+0	
9	427	AMD+P3	11:25	19+0	0+0		14+7	0+0	
10	410	CNV+VSP02	11:25	6+12	0+0		6+16	0+0	
11	420	PPD+BK9	11:25	11+0	0+0		19+3	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/1 Người BK8+10 NGƯỜI TD3 về qua TD5; 2/3 NGƯỜI ĐI ĐI BK9 VỀ CHUYẾN CUỐI 3/VALY 4 BÀN NH XE KHÔNG NHẬN CHỖ
BẢNG TRỰC THĂNG (4-КОЛЕСНЫЕ ЧЕМАДАНЫ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ ВЕРТОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕВРАЛЯ 2018Г.)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: BK9 - BK14 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Luy - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	BK9				52	71	DIEUHANH	Vietnamese
2	POPOV	BK9	80	1	4		73	DIEUHANH	Russian
3	BAEV	BK9					85	ANTOAN	Russian
4	LUU VAN SON	BK9					78	KH-THAC	Vietnamese
5	VO THE HAU	BK9	82	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRUONG AN	BK9	86	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN TRUNG KIEN	BK9	79	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI DUC KHANH	BK9	81	1	4		58	PSV	Vietnamese
9	YAKYMIDI	BK14	06	1	8	52	89	KH-THAC	Russian
10	LUONG XUAN THANH	BK14	10	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LE ANH TUAN	BK14	11	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG TUAN ANH	BK14	09	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET LONG	BK14	07	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM NGOC NINH	BK14	08	1	2		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	8	5	28	588	52	5		
2	BK14	6	6	30	479	52	8		
3	RP3	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		14	11	58	1.067	104	22		
WEIGHT KG				58	1.067	104			

GRAND TOAL: 1.229 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Feb-18	TO: TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOROKA A.S	TD3	29	1	10	60	116	KHOAN	Russian
2	KORIAKOV A.S	TD3	32	1	5		75	KHOAN	Russian
3	GOLOVIN G.B	TD3	33-35	3	18		104	KHOAN	Russian
4	VUONG HUU QUOC THAI	TD3	30	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
5	BUI QUANG ĐĂNG	TD3					79	KHOAN	Vietnamese
6	VU TRỌNG NGHIA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG THANH TU	TD3	26	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
8	NGO DUY THANH	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN TRỌNG BANG	TD3	37-38	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN HUONG	TD3	31	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG NAM	TD3	39	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
12	VU NGOC HA	TD3	36	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
13	SALAKHOV	TD3	28	1	10		96	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	TD3	13	13	95	1.054	60	22	
TOTAL		13	13	95	1.054	60	22	
WEIGHT KG				95	1.054	60		

GRAND TOAL: 1.209 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - HIẾU	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	52	1	6		84	KHOAN	Russian
2	ALEKHIN A.G	TD5	50-51	2	11		103	KHOAN	Russian
3	VÔ NGUYEN KHANG	TD5	58	1	11	35	84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN ĐAI QUAN	TD5	57,61	2	13		85	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CHIÊN	TD5	54	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN PHUC	TD5	05-06	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
7	TÔ THANH HUNG	TD5	59	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MINH CÔNG	TD5	62	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TIÊN DŨNG	TD5	53	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	55-56	2	24		60	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐỨC TOAN	TD5	60	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH ĐỨC KIÊN	TD5	07-08	2	9		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN CAO DANH	TD5	48-49	2	17		60	KHOAN	Vietnamese
14	VÔ SĨ HOÀI THANH	TD5	63	1	7		59	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	14	20	140	1.033	35	22		
TOTAL		14	20	140	1.033	35	22		
WEIGHT KG				140	1.033	35			

GRAND TOAL: 1.208 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: PVD2 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - dưng - CUONG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN QUYET	PVD2	82	1	10	19	84	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HOANH VU	TD5	12	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MINH TIEN	TD5	14	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VIET DUNG	TD5	15	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
5	LE XUAN HIEN	TD5					55	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN DU	TD5	13	1	3		58	DVL	Vietnamese
7	DO THANH HAI	TD5	16-17	2	12		65	DVL	Vietnamese
8	PHAM VAN Y	TD5	20	1	14	35	78	DVL	Vietnamese
9	MESHKOV	TD5	19	1	11		78	DVL	Russian
10	TRUONG MINH KHANH	TD5	18	1	10		67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	1	1	10	84	19	0		
2	TD5	9	9	66	643	35	22		
TOTAL		10	10	76	727	54	22		
WEIGHT KG				76	727	54			

GRAND TOAL: 857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Feb-18	TO: CTK3 - P5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Luy - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3				22	75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG HIỆU	CTK3	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG VĂN MẠNH	CTK3	86	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	90	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3					63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	89	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN MINH	CTK3	87	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN BÁC	CTK3					54	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO THE HÙNG	CTK3	91	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	94	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	84	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN THIÊM	CTK3	96	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
13	VU NGỌC DƯƠNG	CTK3	95,98	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG VAN HAI	CTK3	97	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	12	75	909	22	11		
2	P5	0	0	0	0	15	11		
TOTAL		14	12	75	909	37	22		
WEIGHT KG				75	909	37			

GRAND TOAL: 1.021 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: BK5 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG DÂN	PPD	41-42	2	10		77	YTE	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRI	PPD	44	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ XUÂN MINH	PPD	46	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	48	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN THẮNG	PPD	47	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ SY KHOA	PPD	45	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DANH TUÂN	PPD	43	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN QUÝ	PPD	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD					91	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	PPD	49-50	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	0	0	0	0	170	10+1		CHUYEN 01 PAX TU BK5 SANG PPD
2	PPD	10	11	55	693	0	12		
TOTAL		10	11	55	693	170	22		
WEIGHT KG				55	693	170			

GRAND TOAL: 918 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: RP2 - CTK3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - dũng -	ETA: 11:30
TRANG-2		CƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VU KIEN	RP2	41	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI MINH HAI	CTK3	22-23	2	7		76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐỨC HAI	CTK3	19	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VIET HUNG	CTK3	20	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	24	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGHIA TIN	CTK3	28	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU SY	CTK3	26-27	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
8	VU QUANG HAI	CTK3	29	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	21	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	25	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	1	1	7	75	0	5		
2	CTK3	9	11	53	621	0	17		
TOTAL		10	12	60	696	0	22		
WEIGHT KG				60	696	0			

GRAND TOAL: 756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: VSP02 - HST	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	04	1	10		80	KH-THAC	Russian
2	KAZIKOV	VSP02	23-24	2	15		100	ANTOAN	Russian
3	HOANG MINH TAN	VSP02	17-18	2	15		80	YTE	Vietnamese
4	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	11	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN HIỆP	VSP02	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LE THANH HOAN	VSP02	09	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	SERGIENKO SERGEY	VSP02	05	1	7		69	KH-THAC	Russian
8	BOGDAN KARPENKO	VSP02	06-07	2	15	18	80	KH-THAC	Russian
9	TRẦN MINH TUAN THỊNH	VSP02	21	1	6	100	84	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN GIA LONG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG MANH THANG	VSP02	20	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	12	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI ANH SON	VSP02	22	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP02	25	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	10	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN SAU	VSP02	19	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN HIỆP	VSP02	13	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUY PHUC	VSP02	16	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN GIA KHANH	VSP02	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA QUẢN	HST	62-63	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN PHANG	HST	61	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	19	21	132	1.398	118	18		
2	HST	2	3	20	139	0	4		
TOTAL		21	24	152	1.537	118	22		
WEIGHT KG				152	1.537	118			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: AMD - P3	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Phong - TUYỀN - Luy - Toan	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY LAM	AMD	696	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH DUY	AMD	99	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN LÊ HOA	AMD	67-68	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH TAM	AMD	695	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	37	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	96	1	7	52	65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU CUONG	AMD	97	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC NHA	AMD	500,92	2	10		53	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU ĐỨC CHI	AMD	38	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI SY QUYEN	AMD	698-699	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	93	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC THẮNG	AMD	98	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU HUU CHINH	AMD	69	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG THO	AMD	39	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
15	MICHAEL FOLEY	AMD	70	1	12		92	KH-THAC	Australian
16	CHU VAN HAO	AMD	697	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HUU ĐẶNG	AMD	50	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ TRUNG HIU	AMD	94-95	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	22	152	1.195	52	14		
2	P3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		18	22	152	1.195	52	21		
WEIGHT KG				152	1.195	52			

GRAND TOTAL: 1.399 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: PPD - BK9	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hôi - Nam - HIẾU	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NHAT QUANG	PPD	66	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN VINH	PPD	60	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOAN VAN THUAN	PPD	58	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ QUANG HUY	PPD	65	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC CU	PPD	52	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO SACH ĐUC	PPD	54	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC SON	PPD	57	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	PPD	300	1	7		51	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO TRỌNG HÙNG	PPD	55-56	2	10		68	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BAU	PPD	53	1	5		60	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	11	56	746	70	19		
2	BK9	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		11	11	56	746	70	22		
WEIGHT KG				56	746	70			

GRAND TOTAL: 872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2018	TO: CNV - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - NNam	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH HÙNG	CNV				55	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN SƠN	CNV	95	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	93-94	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC TRI	CNV					68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG ĐÌNH VINH	CNV	78	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CNV	92	1	5		90	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	36	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN ĐÔNG	VSP02					74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ DUY HOÀN	VSP02	37	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP02	38	1	3	9	69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BINH	VSP02	31	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH DAN	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	33	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	32	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	35	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUY THÔNG	VSP02	40	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THE VINH	VSP02	34	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	5	30	457	55	6		
2	VSP02	12	10	47	848	9	16		
TOTAL		18	15	77	1.305	64	22		
WEIGHT KG				77	1.305	64			

GRAND TOAL: 1.446 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	TD2+P2+RP2	7:25	17+0+5	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
2	410	RP2	9:25	15	0		22	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
VALY 4 BÀN XE KHÔNG NHẬN CHỖ BẢNG TRỰC THĂNG (4-КОЛЕСНЫЕ ЧЕМАДАНЫ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ
БЕПТОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕВРАЛЯ 2018Г.)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Feb-18	TO: TD2 - P2 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH THANG	TD2	24	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC DUNG	TD2	19	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH ANH	TD2	17	1	5	70	68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	07	1	5	25	73	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN DUC DUC	TD2	04	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN MANH CUONG	TD2	13	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN HUY	TD2	10	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM THANH GIANG	TD2	11	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
9	DO BA NAM	TD2	05-06	2	20		84	KHOAN	Vietnamese
10	VU XUAN TRUONG	TD2	18	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DAI DUONG	TD2	08	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN NGHIA	TD2	09	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
13	KIEU TUAN ANH	TD2	14	1	10		90	DVL	Vietnamese
14	ĐANG TRỌNG THỨC	TD2	15	1	6		74	DVL	Vietnamese
15	BUI HUY BANG	TD2	20	1	12		68	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN DUC LONG	TD2	12	1	10		56	DVL	Vietnamese
17	ĐANG VĂN BIÊN	TD2	16	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
18	DAVUDOV D.S	RP2	43-44	2	12		70	KHOAN	Russian
19	VU TRỌNG HẠCH	RP2	46	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
20	ĐAO DANH THANH	RP2	42	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
21	VU CAO BANG	RP2	45	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
22	ĐAU CAO KHANG	RP2	47	1	5		52	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	18	122	1.206	95	12		
2	P2	0	0	0	0	0	3		
3	RP2	5	6	36	348	0	7		
TOTAL		22	24	158	1.554	95	22		
WEIGHT KG				158	1.554	95			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Feb-18	TO: RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG HAO	RP2	53	1	12		83	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC THỊNH	RP2	52	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ HUY TUYEN	RP2	49	1	8		52	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ TIẾN DUNG	RP2	48	1	5	90	62	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH CAO TRỌNG	RP2	51	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRỌNG DUNG	RP2					80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THIEN TUAN	RP2	50	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THÈ TAM	RP2	56-57	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN GIANG	RP2	55	1	6		74	DVL	Vietnamese
10	BUI BẠCH DƯƠNG	RP2	54	1	7		68	DVL	Vietnamese
11	BUI HỮU TRI	RP2	61-62	2	7		55	GETRACO	Vietnamese
12	VŨ TÀ HUNG	RP2	58	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
13	ĐÀO XUÂN THỌ	RP2	60	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
14	HỒ VĂN THẢO	RP2	63	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
15	BUI VĂN QUẢN	RP2	59	1	5		66	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	16	89	1.040	90	22		
	TOTAL	15	16	89	1.040	90	22		
	WEIGHT KG			89	1.040	90			

GRAND TOAL: 1.219 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD3	7:25	17+1	0+0		19+3	0+0	
2		CLO	7:25	18	0		22	0	
3		TD1+BK3	9:25	12+0	0+0		11+11	0+0	
4		CLO+P2 + VS102	9:25	6+0	0+0		5+17	0+0	

TTBĐSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ИВАЛЫ 4 БАНН ХЕ КХОНГ NHẬN CHỖ BĂNG TRỰC THĂNG (4-КОЛЛЕЧНЫЕ ЧЕМАДАННЫ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ
БЕПТОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕВРАЛЯ 2018Г.)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Feb-18	TO: TD1 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - THỤ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KLIUZHEV R.V	TD1	37	1	10		110	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN DUNG	TD1	24	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
3	BUI TUAN THANH	TD1	22-23	2	16		57	PSV	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN MINH	TD1					62	PSV	Vietnamese
5	LE TRONG LUONG	TD1	32	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN QUY	TD1	35-36	2	13		59	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	26	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM CONG TIEN	TD1	28	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DANH QUY	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUAN	TD1	34	1	5	40	68	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN HOAN	TD1	30	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN THUONG	TD1	27	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN DUY	TD1	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG THANG	TD1					51	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH HUU HUNG	TD1	25	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN GIN	TD1	29	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
17	HO VAN HAU	TD1	31	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
18	KARPUNIN	TD3	45	1	12		104	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	16	89	1.170	40	19		
2	TD3	1	1	12	104	0	3		
TOTAL		18	17	101	1.274	40	22		
WEIGHT KG				101	1.274	40			

GRAND TOAL: 1.415 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2018	TO: CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIEV S.L	CLO	97	1	7		92	KHOAN	Russian
2	DATSKO P.D	CLO	41	1	10		102	KHOAN	Russian
3	TELESHENKO I.A	CLO	93	1	10		120	KHOAN	Russian
4	LE VAN HUNG	CLO	40	1	6	50	67	PSV	Vietnamese
5	DUONG VAN THACH	CLO	99	1	4		70	PSV	Vietnamese
6	TRAN VAN HAU	CLO	38	1	5		53	PSV	Vietnamese
7	LUU VAN TRONG	CLO	36	1	6		53	PSV	Vietnamese
8	HOANG HUU THO	CLO	39	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	TRAN TRUNG THANH	CLO	94	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH DUY THANH	CLO	200	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN SINH	CLO	37	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
12	VU NGOC LUAN	CLO	92	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
13	MAI VAN HOI	CLO					73	KHOAN	Vietnamese
14	CHU ĐỨC AI	CLO	95	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG THAI ANH	CLO	91	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	96	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
17	MAKAROV	CLO	54	1	7		94	ANTOAN	Russian
18	NGUYEN VAN TIEN	CLO	98	1	7		56	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	17	109	1.392	50	22		
	TOTAL	18	17	109	1.392	50	22		
	WEIGHT KG			109	1.392	50			

GRAND TOAL: 1.551 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/02/2018	TO: TD1 - BK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YANCHENKO	TD1	67	1	8		80	ANTOAN	Russian
2	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD1	63	1	14		75	DVL	Vietnamese
3	DOBROVOLSKIY OLEG	TD1	68-69	2	18		87	DVL	Russian
4	NGUYEN ĐỨC HÙNG	TD1	62	1	7	20	80	PSV	Vietnamese
5	ĐẶNG THÈ THANH	TD1					68	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN SY	TD1					55	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN TAI	TD1	66	1	4		69	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN BA HUNG	TD1	65	1	7		65	PSV	Vietnamese
9	LÊ XUÂN TINH	TD1					91	PSV	Vietnamese
10	ĐINH KHẮC THẠCH	TD1					65	PSV	Vietnamese
11	ĐOÀN ĐÌNH TU	TD1	64	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	8	61	805	20	11		
2	BK3	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		11	8	61	805	20	22		
WEIGHT KG				61	805	20			

GRAND TOAL: 886 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Feb-18	TO: CLO - P2 - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - THỤ	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	92	1	11		67	NIPI	Vietnamese
2	DUONG VAN THU	CLO	90	1	5		65	PSV	Vietnamese
3	PHAN MINH TUAN	CLO	93	1	4		72	PSV	Vietnamese
4	LE PHUOC ĐỨC	CLO	94	1	5		69	PSV	Vietnamese
5	DUONG DINH DUNG	CLO	91	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	LE ĐỨC CUÔNG	CLO	89	1	8		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	6	38	396	0	5		
2	P2	0	0	0	0	5	16		
3	VSP02	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		6	6	38	396	5	22		
WEIGHT KG				38	396	5			

GRAND TOAL: 439 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN